

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 9 - 2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Công Gia.

2. Ông Trịnh Ngọc Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 281/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Thạch Ngọc T – sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ấp PT, xã PT, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị Vũ Thị C – sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Ấp PT, xã PT, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt; chị C vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Thạch Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011 và được Ủy ban nhân dân xã Phú Trung cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/12/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng nhau tại địa chỉ: Ấp Phú Thắng, xã Phú Trung, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Do đó trong cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện nhằm mục đích hòa giải với nhau nhưng không thể đoàn tụ được. Từ năm 2015 đến nay, anh và chị C sống ly thân nhau. Nay tình cảm không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị Vũ Thị C.

Về con chung: Anh và chị C có 02 con chung là:

- Thạch Ngọc TV – sinh ngày: 21/10/2011.

- Thạch Ngọc TN – sinh ngày: 15/02/2013.

Từ khi anh và chị C ly thân nhau đến nay, con chung do chị C trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với chị Vũ Thị C: Mặc dù khi thụ lý và tiến hành các hoạt động tố tụng, Tòa án đã tiến hành niêm yết; cấp, tổng đạt trên phương tiện thông tin đại chúng Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập chị C đến Tòa án làm việc nhưng chị C không đến Tòa án để thể hiện nguyện vọng của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Thạch Ngọc T đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau: Căn cước công dân của anh T (photo); Sổ hộ khẩu của anh T và chị C (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Giấy khai sinh của con chung (bản sao). Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 23/6/2022 đối với anh Thạch Ngọc T; Biên bản xác minh tại địa phương. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng anh T và chị C đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh T, cho anh Thạch Ngọc T được ly hôn với chị Vũ Thị C.

+ Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là Thạch Ngọc TV – sinh ngày: 21/10/2011 và Thạch Ngọc TN – sinh ngày: 15/02/2013 cho chị Vũ Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Thạch Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh T kê khai không có, không yêu cầu giải quyết. Hiện nay vắng mặt chị C nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

+ Về án phí: Đề nghị buộc anh Thạch Ngọc T phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Thạch Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn chị Vũ Thị C. Chị C đang cư trú tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2]. Anh Thạch Ngọc T và chị Vũ Thị C là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị C vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.3]. Đối với thủ tục ghi nhận nguyện vọng của 02 cháu Thạch Ngọc TV – sinh ngày: 21/10/2011 và Thạch Ngọc TN – sinh ngày: 15/02/2013 để xem xét khi giải quyết việc ly hôn của anh T và chị C. Tuy nhiên, qua ý kiến của anh T và kết quả xác minh tại địa phương thể hiện từ khi anh T và chị C ly thân nhau đến nay, 02 cháu Vân và Ngân do chị C trực tiếp nuôi dưỡng và không sống tại địa phương. Mặt khác, chị C không cung cấp địa chỉ cho anh T và Tòa án đã yêu cầu chị C đưa 02 con chung đến Tòa án để thể hiện nguyện vọng nhưng chị C không thực hiện.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên chỉ là một trong những yếu tố Tòa án phải xem xét trong quá trình giải quyết vụ án, việc quyết định giao con cho bên nào trực tiếp nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Mặt khác, theo quy định tại Điều 214, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự thì việc không lấy được lời khai của các con không phải là căn cứ để đình chỉ hay tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Do vậy, Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con để xem xét, quyết định người trực tiếp nuôi dưỡng con.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Anh T và chị C kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT vào ngày 22/12/2011. Nay anh T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về

nuôi con khi ly hôn với chị C nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 11, 85, 89, 91, 92, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị C tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/12/2011. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Anh T yêu cầu ly hôn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập chị C đến Tòa án để hòa giải nhưng chị C không đến để làm việc. Điều này thể hiện ý chí của chị C không muốn hàn gắn, đoàn tụ. Đồng thời qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã nhau và đã sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay (bút lục 29 – 30).

Xét thấy hôn nhân của anh T và chị C lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thạch Ngọc T là cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị C.

[3.2]. Về con chung: Anh T và chị C có 02 con chung là:

- Thạch Ngọc TV – sinh ngày: 21/10/2011.

- Thạch Ngọc TN – sinh ngày: 15/02/2013.

Anh T đồng ý giao 02 con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi anh T và chị C sống ly thân đến nay, con chung sống cùng chị C. Vì vậy, để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu.

Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện nay vắng mặt chị C nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

[4]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì anh Thạch Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[5]. Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 11, 85, 89, 91, 92, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thạch Ngọc T.

Cho anh Thạch Ngọc T được ly hôn chị Vũ Thị C.

2. Về con chung: Anh T và chị C có 02 con chung là:

- Thạch Ngọc TV – sinh ngày: 21/10/2011.

- Thạch Ngọc TN – sinh ngày: 15/02/2013.

Giao cả 02 con chung cho chị Vũ Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Thạch Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

4. Về án phí: Anh Thạch Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002594 ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

5. Quyền kháng cáo: Anh T và chị C có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân xã PT: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 09, cấp ngày 22/12/2011);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Lợi